Họ và HS:…….....	KTĐK- CUỐI HỌC KỲ I MÔN TOÁN. LỚP 4		
Lớp:……..	Giám thị	Số mật mã	Số thứ tự

Bài 1: Hãy khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng (1 điểm)

a) Số nào trong các số dưới đây có chữ số 5 biểu thị cho 50 000?

A. 905316 **B.** 152087 **C.** 501834 **D.** 340581

b) Số nào vừa chia hết cho 3 vừa chia hết cho 9?

A. 8729 **B**. 906 **C**. 1801 **D**. 2403

Bài 2: **Hãy khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng (1 điểm)**

a) Số nào thích hợp để viết vào chỗ chấm của 4 tấn 26 kg = ……kg là:

A. 426 **B**. 4026 **C**. 4260 **D**. 4206

b) Số nào thích hợp để viết vào chỗ chấm của $\frac{1}{5}$ thế kỉ = ……..năm

A. 50 **B**. 40 **C**. 30 **D**. 20

Bài 3: Hãy khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng (1 điểm)

a) Số gồm ba mươi triệu, ba mươi nghìn và ba mươi được viết là:

A. 305 030 **B**.3 030 030 **C**. 3 003 030 **D**. 30 030 030

b) Dãy số xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A. 906 032; 904 623; 768 203; 768 098.

B. 906 032; 768 203; 768 098; 9 046 231.

C. 906 032; 9 046 231; 768 203; 768 098.

D. 906 032; 9 046 231; 768 098; 768 203.

Bài 4: Cho hình bình hành ABCD như hình vẽ (1 điểm)

a) Hãy viết tên các cặp cạnh song song của hình bình hành ABCD:……..

……

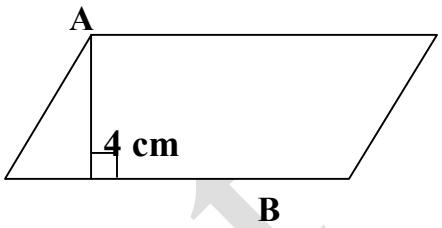

b) Diện tích hình bình hành ABCD là:

……

……

……

Bài 5. Tìm X (1 điểm)

a) X : 30 = 3024	b) X x 34 = 748

Bài 6. Đặt tính rồi tính (3 điểm)

hoc360.net

a) 291 908 + 356 472	b) 583 406 – 574 321	c) 36 567 x 25	d) 10 105 : 43

Bài 7. (2 điểm)

Hai thùng chứa được tất cả là 600 lít nước. Thùng bé chứa được ít hơn thùng to 120 lít nước. Hỏi mỗi thùng chứa được bao nhiêu lít nước?

Bài Giải

……

……

hoc360.net

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

hoc360.net